

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
 ĐƠN VỊ: KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tài chính doanh nghiệp		
Mã học phần:	71FINN30033	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	90	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Giải thích và minh họa được các vấn đề của tổng quan tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, tổ chức tài chính; các khái niệm cơ bản về quản lý tài chính như báo cáo tài chính, dòng tiền, thuế, phân tích báo cáo tài chính, giá trị thời gian của tiền tệ, lãi suất, tài sản tài chính và hiệu quả dự án vốn	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,9,10,11,12,16,21,22,26,27	3 điểm(0.25 điểm/câu)	PI 3.1,A
CLO 2	Vận dụng kiến thức về phân tích báo cáo tài chính, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, trái phiếu, cổ phiếu để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; định giá, đánh giá rủi ro các tài sản tài chính; tính toán cơ cấu chi phí vốn tài trợ dự án, doanh nghiệp và đánh giá được hiệu quả đầu tư vốn dài hạn	Trắc nghiệm + Tự luận	70%	Trắc nghiệm: câu 4, 5,6,7,8,13,14,15,17,18,19,20,23,24,25,28,29,30 và câu tự luận	4.5 điểm trắc nghiệm (0.25 điểm/câu) và 2.5 điểm tự luận	PI3.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (30 câu _ 7,5 điểm)

Câu 1: Câu nào sau đây mô tả ĐÚNG nhất về điều sẽ xảy ra khi bạn chọn ngẫu nhiên các cổ phiếu và thêm chúng vào danh mục đầu tư của mình?

- A. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm giảm rủi ro phi hệ thống hoặc có thể đa dạng hóa danh mục đầu tư.
- B. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm giảm beta của danh mục đầu tư.
- C. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm tăng lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư.
- D. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm giảm rủi ro thị trường của danh mục đầu tư.
- E. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ không ảnh hưởng đến rủi ro của danh mục đầu tư.

ANSWER: A

Câu 2: Rủi ro riêng lẻ là ____ .

- A. rủi ro mà một nhà đầu tư phải đối mặt nếu chỉ nắm giữ một tài sản
- B. rủi ro mà một nhà đầu tư phải đối mặt nếu nắm giữ cùng lúc nhiều tài sản
- C. rủi ro của toàn bộ danh mục đầu tư
- D. rủi ro chỉ xảy ra một lần duy nhất và không lặp lại
- E. rủi ro chỉ xảy ra với một công ty mà không liên quan tới cả thị trường

ANSWER: A

Câu 3: Cổ phiếu A và B có tỷ suất sinh lời kỳ vọng bằng nhau. Cổ phiếu nên được chọn để đầu tư là cổ phiếu có ____ .

- A. Độ lệch chuẩn thấp hơn
- B. Độ lệch chuẩn cao hơn
- C. Hệ số Beta cao hơn
- D. Hệ số Beta thấp hơn
- E. Hệ số biến thiên không thay đổi

ANSWER: A

Câu 4: Công ty Veranus đang hoạch định ngân sách vốn đầu tư vào một dự án có tỷ suất sinh lợi kỳ vọng là 10% và độ lệch chuẩn là 30%. Hệ số biến thiên của dự án là bao nhiêu?

- A. 3,0
- B. 1,8
- C. 2,2
- D. 2,6
- E. 3,4

ANSWER: A

Câu 5: Lãi suất phi rủi ro là 5%. Cổ phiếu A có beta = 1,0 và Cổ phiếu B có beta = 1,4. Cổ phiếu A có tỷ suất lợi nhuận yêu cầu là 11%. Tỷ suất lợi nhuận yêu cầu của Cổ phiếu B là bao nhiêu?

- A. 13,4%
- B. 12,4%
- C. 14,4%
- D. 15,4%
- E. 16,4%

ANSWER: A

Câu 6: Một cổ phiếu dự kiến sẽ trả cổ tức \$1 vào cuối năm. Tỷ suất sinh lợi yêu cầu là $r_s = 11\%$ và tốc độ tăng trưởng không đổi dự kiến là 5%. Giá cổ phiếu hiện tại là bao nhiêu?

- A. \$16,67
- B. \$18,83
- C. \$20,00
- D. \$21,67
- E. \$23,33

ANSWER: A

Câu 7: Công ty PAX có tỷ suất sinh lời yêu cầu là 10% và cổ phiếu này được bán với giá \$40 mỗi cổ phần. Cổ tức của công ty được mong đợi tăng trưởng đều 7% mỗi năm. Hỏi cổ tức mong đợi cuối năm của công ty là bao nhiêu (D_1) ?

- A. \$ 1,2
- B. \$ 0,9
- C. \$ 1
- D. \$ 1,1
- E. \$ 1,3

ANSWER: A

Câu 8: Công ty Corrigan đã thanh toán \$1 cổ tức cho mỗi cổ phần cho năm vừa rồi và cổ tức được mong đợi tăng trưởng 5% mỗi năm trong tương lai. Công ty có hệ số beta là 1,2, phân bù rủi ro thị trường là 5% và lãi suất phi rủi ro là 3%. Hỏi giá cổ phiếu hiện tại của công ty là bao nhiêu?

- A. \$ 26,25
- B. \$ 19,25
- C. \$ 21
- D. \$ 22,75

E. \$ 24,5

ANSWER: A

Câu 9: Một sự gia tăng tỷ lệ tăng trưởng mong đợi của công ty (g %) thường khiến tỷ suất sinh lời yêu cầu (r_e %) của nó ____.

A. tăng theo

B. giảm đi

C. biến động

D. giữ nguyên

E. có thể tăng, giảm hoặc không bị ảnh hưởng gì

ANSWER: A

Câu 10: Cổ phiếu nào được cam kết trả cổ tức cố định qua các năm?

A. Cổ phiếu ưu đãi

B. Cổ phiếu thường tăng trưởng không đều

C. Cổ phiếu thường tăng trưởng đều

D. Không có đáp án đúng

E. Cổ phiếu phổ thông

ANSWER: A

Câu 11: Chi phí sử dụng vốn nào đại diện cho chi phí sử dụng vốn của một doanh nghiệp?

A. Chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền

B. Chi phí sử dụng vốn vay ngân hàng

C. Chi phí sử dụng vốn vay trái phiếu

D. Chi phí sử dụng vốn cổ phần thường

E. Chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi

ANSWER: A

Câu 12: Nội dung nào sau đây là ĐÚNG?

A. Nếu một công ty sử dụng cùng một chi phí vốn cho tất cả các dự án của mình bất kể rủi ro của dự án, thì công ty sẽ có xu hướng từ chối một số dự án an toàn mà nó thực sự nên chấp nhận và chấp nhận một số dự án rủi ro mà nó nên từ chối.

B. Do rủi ro phá sản nên chi phí vốn nợ luôn cao hơn chi phí vốn cổ phần.

C. Vì vốn nợ rủi ro hơn vốn cổ phần nên chi phí nợ sau thuế luôn lớn hơn WACC.

D. Bởi vì chi phí phát hành của các công ty không bắt buộc phải có vốn dưới dạng lợi nhuận giữ lại, nên chi phí của lợi nhuận giữ lại thường thấp hơn chi phí nợ sau thuế.

E. Chi phí phát hành cao hơn có xu hướng làm giảm chi phí vốn chủ sở hữu.

ANSWER: A

Câu 13: Bạn được thuê làm cố vấn cho Công ty May và bạn được cung cấp dữ liệu sau: Cơ cấu vốn mục tiêu: 40% nợ, 10% vốn cổ phần ưu đãi và 50% vốn cổ phần thường. Chi phí nợ sau thuế là 4,00%, chi phí vốn cổ phần ưu đãi là 7,50% và chi phí lợi nhuận giữ lại là 11,50%. Công ty sẽ không phát hành bất kỳ cổ phiếu mới nào. Hỏi chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC) của công ty là bao nhiêu?

A. 8,10%

B. 7,55%

C. 7,73%

D. 7,94%

E. 8,32%

ANSWER: A

Câu 14: Công ty Baton có trái phiếu mệnh giá 1.000 đô la còn 20 năm nữa thì đáo hạn; lãi suất coupon 8% trả lãi hàng năm; hiện đang được bán với giá 686,86 đô la. Thuế suất của công ty là 40%. Chi phí nợ sau thuế của công ty này bằng bao nhiêu?

A. 7,36%

B. 5,21%

C. 4,36%

D. 15,20%

E. 9,26%

ANSWER: A

Câu 15: Cổ phiếu ưu đãi vĩnh viễn của một công ty hiện đang giao dịch ở mức 80 USD/cổ phiếu và trả cổ tức hàng năm là 6,00 USD/cổ phiếu. Nếu công ty bán cổ phiếu ưu đãi mới, công ty sẽ phải chịu chi phí phát hành là 4%. Chi phí vốn cổ phần ưu đãi của công ty sẽ là bao nhiêu?

A. 7,81%

B. 7,51%

C. 7,99%

D. 8,36%

E. 8,62%

ANSWER: A

Câu 16: Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG? Giả sử rằng dự án đang được xem xét có dòng tiền bình thường, với một dòng tiền âm theo sau là một loạt dòng tiền vào dương.

A. Một nhược điểm của tiêu chí thời gian hoàn vốn khi dùng để đánh giá dự án là phương pháp này không tính đến giá trị thời gian của tiền.

B. Thời gian hoàn vốn của dự án càng dài thì dự án càng được coi là hấp dẫn.

C. Nếu thời gian hoàn vốn của dự án là dương thì dự án nên được chấp nhận.

D. Phương pháp hoàn vốn có chiết khấu xem xét tới dòng tiền sau thời gian hoàn vốn để đưa ra quyết định có nên đầu tư hay không.

E. Nếu thời gian hoàn vốn có chiết khấu của dự án dài hơn so với thời gian hoàn vốn yêu cầu thì dự án nên được chấp nhận để đầu tư.

ANSWER A

Câu 17: Công ty RIGO đang xem xét một dự án có dòng tiền và dữ liệu WACC như sau:
WACC = 10%

Năm	0	1	2	3	4
Dòng tiền	-\$1.000	\$400	\$405	\$410	\$415

NPV của dự án là bao nhiêu?

A. \$289,84

B. \$241,24

C. \$255,83

- D. \$268,54
E. \$274,78

ANSWER A

Câu 18: Công ty SSK đang xem xét một dự án có dữ liệu về dòng tiền như sau:

WACC = 10%

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng tiền	-\$1.000	\$300	\$295	\$290	\$285	\$280

IRR của dự án là bao nhiêu?

- A. 14,00%
B. 12,00%
C. 13,00%
D. 15,00%
E. 16,00%

ANSWER A

Câu 19: Công ty Grey đang xem xét một dự án có dòng tiền và dữ liệu như sau:

WACC = 10%

Năm	0	1	2	3	4
Dòng tiền	-\$1.000	\$525	\$485	\$445	\$405

Thời gian hoàn vốn chiết khấu của dự án là bao nhiêu?

- A. 2,37 năm
B. 1,66 năm
C. 1,82 năm
D. 2,03 năm
E. 2,41 năm

ANSWER A

Câu 20: Công ty Tisis đang xem xét một dự án có dữ liệu về dòng tiền như sau.

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng tiền	-\$1.000	\$300	\$310	\$320	\$330	\$340

Thời gian hoàn vốn của dự án là bao nhiêu?

- A. 3,21 năm
B. 2,11 năm

- C. 2,50 năm
- D. 2,71 năm
- E. 3,05 năm

ANSWER A

Câu 21: Những thứ khác giữ nguyên, hoạt động nào sau đây làm tăng lượng tiền mặt trong bảng cân đối kế toán của công ty?

- A. Công ty phát hành cổ phần thường mới
- B. Công ty mua lại cổ phần thường
- C. Công ty thanh toán cổ tức
- D. Công ty mua sắm thiết bị may móc mới
- E. Công ty cho khách hàng thêm thời gian để trả nợ

ANSWER: A

Câu 22: “Khoản phải thu” được hình thành khi nào?

- A. Khách hàng mua hàng nhưng chưa thanh toán
- B. Công ty mua hàng từ nhà cung cấp nhưng chưa thanh toán
- C. Công ty cho tổ chức khác vay vốn
- D. Một nhà đầu tư hứa hẹn góp vốn cho công ty trong năm tới
- E. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu 23: Báo cáo thu nhập Công ty Miles hiện tại cho thấy doanh thu là \$9.000; Chi phí hoạt động là \$6.000 và khấu hao là \$1.500. Công ty không có thu nhập nào khác ngoài hoạt động chính và cũng không có các khoản khấu hao nào khác. Miles phát hành trái phiếu trị giá \$4.000 lãi suất 7% và thuế thu nhập doanh nghiệp là 40%. Hỏi thu nhập sau thuế của công ty là bao nhiêu?

- A. \$ 732
- B. \$ 688
- C. \$ 701
- D. \$ 719
- E. \$ 745

ANSWER: A

Câu 24: Cuối năm 2020, công ty Medical có lợi nhuận giữ (retained earning) lại là \$275 triệu. Trong năm 2021, Công ty có thu nhập mỗi cổ phần là \$0,75, với số cổ phần đang lưu hành là 20 triệu cổ phần. Và công ty đã thanh toán cổ tức là \$0,25 mỗi cổ phần. Hỏi lợi nhuận giữ lại (retained earning) của công ty cuối năm 2021 là bao nhiêu?

- A. \$ 285 triệu
- B. \$ 255 triệu
- C. \$ 265 triệu
- D. \$ 275 triệu
- E. \$ 295 triệu

ANSWER: A

Câu 25: Công ty FAN có tổng giá trị tài sản là \$75.000, được tài trợ bởi 70% là vốn chủ sở hữu. Nợ vay chiếm 80% tổng nợ phải trả. Hỏi công ty vay bao nhiêu?

- A. \$18.000

- B. \$16.000
- C. \$14.000
- D. \$12.000
- E. \$10.000

ANSWER: A

Câu 26: Nội dung nào bên dưới giúp cải thiện tình hình tài chính của công ty, các thứ khác không thay đổi?

- A. Tỷ số EBITDA tăng
- B. Tỷ số thanh toán hiện hành và nhanh đều giảm
- C. Vòng quay tổng tài sản giảm
- D. Tỷ số TIE giảm
- E. Tỷ số DSO tăng

ANSWER: A

Câu 27: Hành động nào bên dưới làm tăng tỷ số thanh toán hiện hành?

- A. Phát hành thêm cổ phần và sử dụng vốn huy động được để mua thêm hàng tồn kho và đầu tư máy móc thiết bị.
- B. Vay nợ ngắn hạn và sử dụng nợ này để thanh toán các khoản nợ đến hạn có thời gian đáo hạn trên 1 năm
- C. Sử dụng tiền mặt để mua thêm hàng tồn kho
- D. Sử dụng tiền mặt để mua lại cổ phần đang lưu hành
- E. Vay nợ dài hạn để xây dựng nhà xưởng mới

ANSWER: A

Câu 28: Công ty Reynolds có tổng tài sản cuối năm ngoái là \$300.000 và thu nhập ròng sau thuế là \$25.000. Hỏi tỷ số ROA của công ty là bao nhiêu?

- A. 8,33%
- B. 8,15%
- C. 8,51%
- D. 8,69%
- E. 8,87%

ANSWER: A

Câu 29: Công ty Rolle có tài sản là \$500.000 được tài trợ hoàn toàn bằng vốn cổ phần thường. CEO mới của công ty muốn gia tăng vay nợ để đạt được tỷ số Nợ/Tài sản là 45%. Công ty sẽ sử dụng số tiền vay nợ này để mua lại một phần cổ phần thường. Hỏi công ty phải vay nợ bao nhiêu để đạt tỷ số nợ như trên?

- A. \$ 225.000
- B. \$ 240.000
- C. \$ 255.000
- D. \$ 270.000
- E. \$ 285.000

ANSWER: A

Câu 30: Công ty Rangala cho khách hàng nợ 30 ngày mới thanh toán. Doanh thu năm ngoái của công ty là \$450.000 và khoản phải thu cuối năm là \$45.000. Nếu tỷ số DSO của công ty thấp hơn 30 ngày thì nghĩa là khách hàng đã thanh toán đúng hạn. Ngược lại

thì khách hàng thanh toán trễ. Hỏi: Năm ngoái, khách hàng của công ty thanh toán trễ hạn hay đúng hạn và Chênh lệch ngày thanh toán giữa DSO của công ty và chính sách tín dụng của công ty là bao nhiêu? (sử dụng 365 ngày/năm khi tính toán DSO)

- A. Trễ hạn và trễ 6,5 ngày
- B. Đúng hạn và sớm 7,5 ngày
- C. Đúng hạn và sớm 7 ngày
- D. Đúng hạn và sớm 8,5 ngày
- E. Trễ hạn và trễ 5,5 ngày

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (1 câu _ 2,5 điểm)

Câu hỏi: (2,5 điểm)

Một trái phiếu đã phát hành cách đây 5 năm và hiện đang được lưu hành trên thị trường. Trái phiếu này có kỳ hạn trái phiếu (thời gian đáo hạn) ban đầu là 20 năm, mệnh giá trái phiếu là \$5.000, lãi suất trái phiếu 10%, trả lãi hàng năm. Lãi suất thị trường hiện nay đang ở mức 8%/năm. Hỏi:

- a. Giá hợp lý của trái phiếu ở thời điểm hiện tại bằng bao nhiêu? (1 điểm)
 - b. Một người đang rao bán trái phiếu này với giá là \$6.000. Với giá này, hãy xác định lợi suất đáo hạn của trái phiếu (YTM) là bao nhiêu? (1 điểm)
 - c. Trái phiếu này là trái phiếu có điều khoản mua lại, cho phép công ty phát hành có quyền mua lại trái phiếu sau 10 năm kể từ ngày phát hành. Với tình hình lãi suất thị trường tiếp tục có xu hướng giảm, giả sử công ty sẽ mua lại trái phiếu ngay tại ngày được thực hiện quyền mua lại. Giá mua dự kiến là \$5.500. Tại thời điểm hiện tại, một người đồng ý mua trái phiếu với giá xác định được tại câu 1, hãy tính định lợi suất thu hồi (YTC)? (0,5 điểm)
-

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.5	
Câu 1 – 30	ANSWER: A	0.25	
II. Tự luận		2.5	
Nội dung a.	<p>Áp dụng đúng công thức: 0,2 điểm</p> $V_B = \frac{INT}{(1+r_d)^1} + \frac{INT}{(1+r_d)^2} + \dots + \frac{INT}{(1+r_d)^n} + \frac{M}{(1+r_d)^n}$ <p>Hoặc công thức</p> $V_B = INT \times \left[\frac{1 - (1+r_d)^{-n}}{r_d} \right] + \frac{M}{(1+r_d)^n}$ <p>Thay các số liệu đúng vào công thức: 0,5 điểm</p> <p>$M = \\$5.000$</p> <p>$INT = \\$5.000 * 10\% = \\$500$</p> <p>$r = 8\%$</p> <p>$n = 15$</p> <p>Tính đúng kết quả: 0,3 điểm</p> <p>$V = \\$5.855,95$</p>	1.0	
Nội dung b.	<p>Áp dụng đúng công thức: 0,2 điểm</p> $V_B = \frac{INT}{(1+r_d)^1} + \frac{INT}{(1+r_d)^2} + \dots + \frac{INT}{(1+r_d)^n} + \frac{M}{(1+r_d)^n}$ <p>Hoặc công thức sau:</p> $V_B = INT \times \left[\frac{1 - (1+r_d)^{-n}}{r_d} \right] + \frac{M}{(1+r_d)^n}$ <p>Thay các số liệu đúng vào công thức: 0,5 điểm</p> <p>$V = \\$6.000$</p> <p>$M = \\5.000</p> <p>$INT = \\$500$</p> <p>$n = 15$</p> <p>Tính đúng kết quả: 0,3 điểm</p> <p>$r = YTM = 7,71\%$</p>	1.0	

Nội dung c.	<p>Áp dụng đúng công thức và thay số liệu vào đúng công thức: 0,4 điểm</p> $V_B = \frac{INT}{(1+r_d)^1} + \frac{INT}{(1+r_d)^2} + \dots + \frac{INT}{(1+r_d)^n} + \frac{Call_Price}{(1+r_d)^n}$ <p> <i>V = \$5.855,95</i> <i>Call_Price = \$5.500</i> <i>INT = \$500</i> <i>n = 5</i> </p> <p>Tính đúng kết quả: 0,1 điểm <i>r = YTC = 7,49%</i></p>	0.5	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10.. tháng ...3.. năm 2024

Giảng viên ra đề



NGUYỄN VŨ HUY

GV. PHAN DUY HIỆP